|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG NAM**Số: /BC-UBND |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Nam, ngày tháng năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023**

**Phần thứ nhất**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022**

Tình hình thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn với không ít thách thức đan xen như: chiến tranh giữa Nga và Ucraina, tình hình dịch Covid-19 có thể phức tạp, nguy hiểm hơn. Trong nước, kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh tiếp tục được nâng lên nhưng sức chống chịu của doanh nghiệp có hạn; nguy cơ chậm phục hồi, tăng trưởng kinh tế còn tiềm ẩn nguy cơ nếu dịch bệnh không được kiểm soát hiệu quả. Tình hình thiên tai còn diễn biến phức tạp[[1]](#footnote-1).

Với quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành; căn cứ vào các Kết luận, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh thực hiện hiệu quả việc thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát tốt dịch Covid-19; tập trung khắc phục hậu quả do bão, lũ gây ra đảm bảo kịp thời, sớm ổn định đời sống, sản xuất của Nhân dân trên địa bàn tỉnh; tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị - xã hội và an toàn, an ninh cho Nhân dân.

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh[[2]](#footnote-2). Ban hành Chương trình công tác năm 2022 tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2022; triển khai thực hiện các Thông báo số 135/TB-VPCP ngày 06/5/2022 và Thông báo số 1330/TB-TTKQH ngày 08/8/2022 tại các buổi làm việc của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Quốc hội với tỉnh Quảng Nam; đồng thời, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 theo chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy[[3]](#footnote-3) và đạt nhiều kết quả tích cực.

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022**

**1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng cao, các lĩnh vực kinh tế phục hồi và phát triển mạnh mẽ**

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2022 đạt 69.110 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), tăng 11,2%[[4]](#footnote-4), cao hơn so với năm 2021 (5,04%), vượt chỉ tiêu Nghị quyết Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao đầu năm (7,5-8%); đứng vị thứ 11/63 so với cả nước; 04/14 tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung; 2/5 tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung[[5]](#footnote-5).

Quy mô nền kinh tế (theo giá hiện hành) năm 2022 hơn 116.374 tỷ đồng[[6]](#footnote-6). Cơ cấu kinh tế khu vực nông nghiệp chiếm 13,4%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35%, trong đó công nghiệp chiếm 28,9%; khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 31,7%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm 20%. GRDP bình quân đầu người đạt 76,6 triệu đồng[[7]](#footnote-7), tăng 12,6%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 3,8 triệu đồng/người/tháng tăng 4,7% so với năm 2021.

***Khu vực công nghiệp và xây dựng duy trì, tiếp tục phát triển mạnh mẽ***, tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 16,5% so với cùng kỳ; trong đó, khu vực công nghiệp tiếp tục khởi sắc, đạt mức tăng trưởng 19,7% (riêng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 17,5%), khu vực xây dựng tăng 1,8%. Việc giảm thuế trước bạ cho xe ô tô lắp ráp trong nước được ban hành kịp thời đã tạo động lực cho ngành sản xuất, lắp ráp ô tô của tỉnh phục hồi mạnh. Bên cạnh đó thị trường xuất khẩu đã hoạt động ổn định đã thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp ngành may mặc và da giày,… Ngành sản xuất và phân phối điện tiếp tục tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 24,5% so với cùng kỳ, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao (tăng 24,2%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 31,3%; ngành khai khoáng tăng 22% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,7%. Một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất tăng cao so với cùng kỳ như: khai khoáng khác tăng 34,7%; sản xuất đồ uống tăng 35,7%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 185%; sản xuất xe có động cơ tăng 54%; sản xuất và phân phối điện tăng 31,5%. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp ước tăng 9,5% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo có chỉ số sử dụng lao động trong tăng 10,2%, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,3%. Chỉ số sử dụng lao động các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 4,5% so với cùng kỳ.

Hoạt động xây dựng tuy đang gặp nhiều khó khăn khi giá nguyên, nhiên vật liệu cho xây dựng tăng cao, tiến độ giải ngân vốn ngân sách chậm nhưng vẫn giữ được mức tăng trưởng khá ổn định.

***Khu vực dịch vụ được phục hồi, tăng 7,0% so với cùng kỳ****.*Hầu hết các ngành dịch vụ đã sôi động trở lại như thời điểm trước khi xảy ra dịch Covid-19, một số ngành dịch vụ tăng trưởng cao so cùng kỳ năm trước, đóng góp vào tốc độ tăng trưởng chung toàn nền kinh tế như: dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 32,4%; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 8,6%; thông tin truyền thông tăng 5,8%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,5%;… Tổng lượt khách tham quan, lưu trú du lịch năm 2022 ước đạt 4.746.000 lượt, tăng 13 lần so với cùng kỳ; trong đó: khách quốc tế ước đạt 634.000 lượt, tăng 36 lần so với cùng kỳ, khách nội địa ước đạt 4.112.000 lượt, tăng 12 lần so với cùng kỳ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 61.680 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ; tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 47.797 tỷ đồng, chiếm 77,5% tổng mức và tăng 12,1% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 8.633 tỷ đồng, tăng 32,4% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 916 tỷ đồng, tăng 201,3%; doanh thu dịch vụ ăn uống gần 7.717 tỷ đồng, tăng 24,1%; doanh thu dịch vụ khác 5.170 tỷ đồng, tăng 14% và doanh thu du lịch lữ hành 80 tỷ đồng, tăng 375,4% so với cùng kỳ.

***Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có tốc độ tăng thấp, tăng 2,5% so với cùng kỳ***, sản xuất nông lâm thủy sản diễn ra trong điều kiện thời tiết với nền nhiệt độ cao, lượng mưa bổ sung nhiều tương đối thuận lợi cho sinh trưởng các loại cây trồng. Tuy nhiên, vụ Đông Xuân do các đợt mưa lớn vào đầu tháng 4; vụ Mùa mưa lớn diện rộng đầu tháng 8, đã ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng các loại cây trồng, con vật nuôi; chăn nuôi trên địa bàn tỉnh phát triển khá, dịch bệnh tiếp tục được kiểm soát; sản xuất lâm nghiệp phát triển tiếp tục duy trì mức tăng trưởng; hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định.

a) Sản xuất nông nghiệp

Ước cả năm 2022, cả tỉnh gieo trồng được 145 nghìn ha cây hàng năm, tăng 174 ha so với năm 2021, trong đó: cây lương thực có hạt 94,7 nghìn ha, tăng 457 ha; cây chất bột có củ 11,9 nghìn ha, giảm 308 ha; cây rau, đậu và các loại hoa 18,7 nghìn ha, giảm 342 ha. Cây lúa cả năm gieo cấy đạt 83,2 nghìn ha, tăng 576 ha so với năm 2021; năng suất ước đạt 52,54 tạ/ha, giảm 3,4 tạ/ha; sản lượng đạt 437,2 nghìn tấn, giảm 25,1 nghìn tấn. Diện tích gieo trồng cây hằng năm khác năm 2022 đạt 61,8 nghìn ha, giảm 402 ha so với năm 2021. Một số cây có diện tích giảm mạnh như: Sắn đạt 9.050 ha, giảm 297 ha, bắp đạt 11.549 ha, giảm 119 ha; mía đạt 289 ha, giảm 28 ha;... Tổng sản lượng lương thực cây có hạt năm 2022 đạt 491,9 nghìn tấn, giảm 26,9 nghìn tấn so với năm 2021[[8]](#footnote-8).

b) Chăn nuôi

Tổng đàn gia súc, gia cầm đều tăng, đàn trâu ước đạt trên 60 nghìn con tăng 550 con so cùng cùng kỳ; đàn bò đạt 174,5 nghìn con, tăng 2,2 nghìn con; đàn lợn đạt 340,2 nghìn con tăng 10 nghìn con. Chăn nuôi gia cầm dịch bệnh được kiểm soát, giá cả ổn định, tổng đàn gia cầm hiện nay ước đạt 8,8 triệu con, tăng 403 nghìn con, trong đó đàn gà gần 7,3 triệu con, tăng 339 nghìn con. Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt, dịch tả lợn Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục trên đàn trâu bò xuất hiện rải rác tại các địa phương; riêng dịch cúm gia cầm không phát sinh.

c) Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 21,3 nghìn ha, tăng 3,4% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ rừng trồng khai thác đạt 1,5 triệu m3, tăng 4,2%. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được các ngành chức năng tăng cường chỉ đạo; do đó, từ đầu năm đến nay xảy ra 05 vụ cháy rừng và 32 vụ phá rừng với tổng diện tích thiệt hại 22 ha (số vụ cháy rừng giảm 10 lần so với cùng kỳ).

d) Thuỷ sản

Hoạt động thủy sản chịu ảnh hưởng của bão số 4, 5 và các đợt không khí lạnh tăng cường, các hoạt động khai thác ở vùng ven bờ và vùng khơi hoạt động không được liên tục nên sản lượng đạt thấp. Tổng sản lượng thủy sản cả năm 2022 ước đạt 127,2 nghìn tấn, tăng 2.119 tấn so với năm 2021, trong đó: sản lượng khai thác thủy sản đạt 99,6 nghìn tấn, chiếm 78,3%, tăng 1.526 tấn; sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 27,6 nghìn tấn, chiếm 21,7%, tăng 2,2%. Tổng diện tích nuôi trồng thuỷ sản đạt trên 5,5 nghìn ha, tăng 170 ha so với cùng kỳ, trong đó diện tích nuôi cá 1,9 nghìn ha tăng 102 ha; tôm nuôi hơn 2,9 nghìn ha, tăng 60 ha. Sản lượng nuôi trồng thuỷ sản ước đạt 26,6 nghìn tấn, tăng 433 tấn.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI):giá xăng dầu tiếp tục điều chỉnh giảm không chỉ góp phần giúp người tiêu dùng giảm bớt áp lực chi tiêu mà còn hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, giá lương thực, thực phẩm thiết yếu tăng do ảnh hưởng của mưa bão, cùng với giá thuê nhà ở tăng khi học sinh, sinh viên nhập học là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2022 tăng 4,62% so với cùng kỳ.

**2. Thu ngân sách tăng cao, tình hình tài chính - tiền tệ ổn định**

Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2022 được HĐND tỉnh giao là 23.700 tỷ đồng, ước thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 là 32.144 tỷ đồng[[9]](#footnote-9), đạt 135,6% dự toán và tăng 40,1% so với cùng kỳ. Trong đó: Ước thực hiện thu nội địa năm 2022 là 25.210 tỷ đồng[[10]](#footnote-10), đạt 132,7% dự toán, tăng 28,8% so với cùng kỳ; thu xuất nhập khẩu ước thực hiện là 6.934 tỷ đồng, đạt 147,5% dự toán, tăng 106% so với cùng kỳ. Chi trong cân đối ngân sách đại phương ước thực hiện năm 2022 là 27.967 tỷ đồng đạt 126,2% dự toán giao; trong đó: chi đầu tư phát triển là 12.530 tỷ đồng, tăng 2,7 lần dự toán; chi thường xuyên là 15.079 tỷ đồng, đạt 116,8% dự toán.

Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 4.511,5 triệu USD, tăng 32,7% so với cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.768,5 triệu USD, tăng 23,1% so với cùng kỳ; nhập khẩu đạt 2.743,0 triệu USD, tăng 39,7% so với cùng kỳ.

Cùng với nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Ngân hàng nhà nước Việt Nam, các chỉ số hoạt động của ngành Ngân hàng đạt kết quả tăng trưởng tích cực so với đầu năm. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã triển khai nhiều chương trình, biện pháp hỗ trợ đối với các lĩnh vực ưu tiên và khách hàng bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, góp phần phục hồi kinh tế. Tổng huy động vốn trên địa bàn đạt hơn 76.445 tỷ đồng, tăng 14,1% so với đầu năm. Dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng trên 93.546 tỷ đồng, tăng 12,2% so với cuối năm 2021, đạt 98% kế hoạch tăng trưởng năm 2022. Dư nợ cho vay phục hồi kinh tế trên địa bàn đạt 262,6 tỷ đồng, với 3.753 khách hàng vay vốn qua 05 chương trình[[11]](#footnote-11). Tổng nợ xấu trên địa bàn là 906 tỷ đồng, tăng 135,5% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 0,97% trên tổng dư nợ.

**3. Công tác quy hoạch được chú trọng, huy động vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá**

Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đến nay cơ bản hoàn thành hồ sơ, đã thông qua Hội nghị Tỉnh ủy, tiếp tục tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành và các địa phương giáp ranh để trình Hội đồng thẩm định Quốc gia, HĐND tỉnh và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hoàn chỉnh Quy hoạch chi tiết vùng đất, vùng nước cảng biển tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trên 36.034 tỷ đồng[[12]](#footnote-12), tăng 19,1% so với cùng kỳ. Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ trên tất cả các ngành, lĩnh vực; ban hành Kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong điều kiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 đến năm 2023[[13]](#footnote-13); đã đăng ký với Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế các dự án trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2022 - 2023[[14]](#footnote-14).

Tổng vốn đầu tư công năm 2022 là 8.230,3 tỷ đồng; trong đó, kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh 7.788,7 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài 441,5 tỷ đồng. Dự kiến đến ngày 31/12/2022, tổng vốn đầu tư công năm 2022 giải ngân 5.760,5 tỷ đồng, đạt 70,2%[[15]](#footnote-15), trong đó kế hoạch vốn năm 2021 giải ngân 98,3%, kế hoạch vốn năm 2022 giải ngân 68,7%; đến 31/01/2023, tổng vốn năm 2022 giải ngân 83,5%, kế hoạch vốn năm 2021 giải ngân 98,3%, kế hoạch vốn năm 2022 giải ngân 82,7%.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 154 dự án khu đô thị, nhà ở[[16]](#footnote-16) với tổng diện tích hơn 1.900 ha, tổng mức đầu tư 23.000 tỷ đồng; 31 dự án thương mại, dịch vụ đã đi vào hoạt động, sử dụng với tổng diện tích 217 ha, chiếm 39% tổng số dự án được cấp phép. Tăng cường đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện, giải quyết khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh kịp thời các sai phạm của các nhà đầu tư theo quy định.

Tiếp nhận 67 khoản viện trợ với tổng vốn 72 tỷ đồng, tương đương 3 triệu USD; trong đó, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, tài nguyên và môi trường, giải quyết các vấn đề xã hội tại các địa phương miền núi, trung du, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn; các khoản viện trợ hỗ trợ phát triển bền vững thông qua nâng cao năng lực sản xuất cộng đồng, tăng cường chất lượng giáo dục và các đối tượng yếu thế của xã hội: trẻ em mồ côi, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người dân nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số.

**4. Thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp đi vào thực chất**

Tập trung triển khai Thông báo số 135/TB-VPCP ngày 06/5/2022 của Văn phòng Chính phủ với 9 nhóm nội dung quan trọng gồm: (1) Cơ chế, chính sách đặc thù, Đề án để bảo tồn, phát huy giá trị di sản thế giới đô thị cổ Hội An và khu đền tháp Mỹ Sơn; (2) Đề án xã hội hóa đầu tư, khai thác Cảng hàng không Chu Lai gắn với Khu phi thuế quan Tam Quang; (3) Hệ thống cảng biển Quảng Nam; (4) Đề xuất liên quan đến Khu kinh tế mở Chu Lai; (5) Đất rừng phòng hộ ven biển; (6) Đầu tư các tuyến đường Quốc lộ 14D, Quốc lộ 14E; (7) Phát triển ngành công nghiệp dược liệu tự nhiên; (8) Khai thác, chế biến ngành Silica; (9) Khu phức hợp giáo dục đại học theo tiêu chuẩn quốc tế và dự án Làng Đại học thuộc Đại học Đà Nẵng; xây dựng Đền thờ các Vua Hùng theo ý kiến kết luận của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ tại Thông báo số 1330/TB-TTKQH ngày 08/8/2022 của Tổng thư ký Quốc hội. Đây là các nhiệm vụ quan trọng, trọng tâm đã được UBND tỉnh phân công các ngành, địa phương tổ chức triển khai[[17]](#footnote-17) nhằm mục tiêu xúc tiến, thu hút huy động các nguồn lực toàn xã hội để tập trung xây dựng các cơ sở hạ tầng trọng điểm, chiến lược cũng như các chính sách hỗ trợ tỉnh phát triển trong giai đoạn đến.

Tiếp tục triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp để tháo gỡ khó khăn, giải quyết vướng mắc và thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19[[18]](#footnote-18). Đình kỳ tổ chức tiếp doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các kiến nghị của doanh nghiệp. Đẩy mạnh tư vấn, hỗ trợ thành lập mới các doanh nghiệp và hướng dẫn thực hiện các thủ tục sau thành lập, hỗ trợ thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, tạm ngưng, giải thể; thực hiện tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách về hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp trên Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh, ứng dụng Smart Quảng Nam.

Xây dựng và vận hành Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khoa học, mở rộng kết nối, tạo lan tỏa, khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo. Hệ thống Hội/Câu lạc bộ khởi nghiệp được thành lập. Tổ chức thành công ngày hội Khởi nghiệp sáng tạo - Chuyển đổi số - Sản phẩm OCOP tỉnh lần thứ ba - TechFest Quảng Nam 2022 với sự tham gia của hơn 600 sản phẩm khởi nghiệp đến từ 10 tỉnh, thành trên toàn quốc tạo làn sóng kết nối, giao lưu mạnh mẽ cho hệ sinh thái khởi nghiệp.

Đến nay, có 1.149 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 11% so với cùng kỳ, số vốn đăng ký đạt 9.998 tỷ đồng, tăng 13,05% so với cùng kỳ. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 8,7 tỷ đồng. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 552 doanh nghiệp, tăng 20,8%. Số doanh nghiệp đã giải thể 189 doanh nghiệp, tăng 9,25% (tương ứng tăng 16 doanh nghiệp); số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động 860 doanh nghiệp, tăng 22,86% (tương ứng tăng 160 doanh nghiệp). Bên cạnh những tín hiệu khả quan đến từ số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường, thì số liệu về doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường vẫn tiếp tục gia tăng, cho thấy sự ảnh hưởng lâu dài của dịch bệnh đến cộng đồng doanh nghiệp trong năm 2022[[19]](#footnote-19).

Từ đầu năm đến nay đã cấp mới 5 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 68,24 triệu USD thuộc các lĩnh vực: công nghiệp chế biến - chế tạo, dịch vụ. Trong đó, có một số dự án lớn như: dự án nam châm từ tính SGI tại KCN Bắc Chu Lai với tổng vốn đầu tư 39,3 triệu USD; dự án Nhà xưởng cho thuê tại Khu công nghiệp Tam Anh - Hàn Quốc với tổng vốn đầu tư 8,62 triệu USD… Nâng tổng số dự án FDI còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh đến nay là 194 dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 6,05 tỷ USD. Cấp mới 56 dự án với tổng vốn đăng ký 8.566,4 tỷ đồng, nâng tổng số dự án trong nước còn hiệu lực là 968 dự án với tổng vốn đăng ký hơn 242 nghìn tỷ đồng.

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 Quảng Nam đứng vị trí thứ 19/63 tỉnh, thành phố cả nước, thuộc nhóm khá, tăng 0,52 điểm và tụt 06 bậc so với năm 2020. Trong 10 chỉ số thành phần, Quảng Nam có 05 chỉ số tăng điểm gồm: tiếp cận đất đai, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, thiết chế pháp lý; 05 chỉ số giảm gồm: gia nhập thị trường, chi phí thời gian, tính minh bạch, tính năng động của chính quyền, đào tạo lao động.

**5. Phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, chương trình nông thôn mới, giảm nghèo tiếp tục đạt kết quả nhất định**

Tiếp tục triển khai thực hiện các Nghị quyết số của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh[[20]](#footnote-20) về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025. Đẩy mạnh sắp xếp ổn định dân cư và triển khai các dự án lớn như trồng rừng gỗ lớn, phát triển chăn nuôi tập trung, phát triển kết cấu hạ tầng gắn với phát triển vùng nguyên liệu[[21]](#footnote-21).

 Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh, giai đoạn 2021-2025[[22]](#footnote-22). Năm 2022, đã phân bổ 11 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh cho các địa phương để triển khai thực hiện Chương trình OCOP theo Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh. Toàn tỉnh có tổng số 111 sản phẩm tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm năm 2022[[23]](#footnote-23). Thường xuyên tổ chức, kết nối các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho các chủ thể OCOP. Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh; hỗ trợ thành lập mới HTX 41 đơn vị, đào tạo 01 HTX, hỗ trợ thu hút lao động trẻ về làm việc tại 12 HTX.

Khẩn trương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới (NTM). Đến nay, bình quân chung số tiêu chí NTM đạt chuẩn của toàn tỉnh là 16,43 tiêu chí/xã, đã có 118 xã được công nhận đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 60,8% và có 10 xã đạt chuẩn nâng cao; 01 xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu; có 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM[[24]](#footnote-24); có 195 thôn đã được công nhận đạt chuẩn “Khu dân cư NTM kiểu mẫu”; có 14 thôn được công nhận thôn NTM. Dự kiến đến cuối năm 2022, có thêm ít nhất 05 xã đạt chuẩn NTM, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên 123 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 63,4%. Bình quân chung số tiêu chí NTM đạt chuẩn của toàn tỉnh (194 xã) là 16,48 tiêu chí/xã; không còn xã đạt dưới 8 tiêu chí; có 17 xã đạt từ 15-17 tiêu chí, 54 xã đạt từ 10-14 tiêu chí và 06 xã đạt từ 08-09 tiêu chí. Toàn tỉnh có 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành NTM[[25]](#footnote-25). Tuy nhiên, công tác triển khai thực hiện kế hoạch năm 2022 có dấu hiệu chậm lại do nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ chậm.

Tiếp tục duy trì kết quả giảm nghèo bền vững, đẩy mạnh thực hiện mục tiêu chuẩn nghèo đa chiều. Huy động nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới. Theo kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025), số hộ nghèo trên địa bàn tỉnh còn 29.829 hộ; giảm 3.318 hộ so với năm 2021; đạt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 23/02/2022[[26]](#footnote-26); tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3%; tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm trên 6%, đạt mục tiêu theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy.

**6.** **Quản lý tài nguyên, môi trường, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư được tích cực chỉ đạo thực hiện**

Phê duyệt danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 của các huyện[[27]](#footnote-27); phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của 18 huyện, thị xã, thành phố và bổ sung danh mục dự án thu hồi đất năm 2022. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của 14 dự án[[28]](#footnote-28), phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất[[29]](#footnote-29). Kiện toàn Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Thống nhất chủ trương đầu tư và phê duyệt danh mục đầu tư 39 dự án khai thác khoáng sản để đưa vào kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn các huyện, thị xã. Ban hành 17 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Cấp, ban hành 52 giấy phép, quyết định liên quan đến hoạt động khoáng sản. Tiếp tục giải quyết các nội dung liên quan đến đóng cửa mỏ vàng Bồng Miêu và điều chỉnh quy hoạch dự trữ khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra, xử lý tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, khai thác không đúng quy định gây ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân[[30]](#footnote-30).

Kiểm tra việc thực hiện nhập khẩu, sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất. Thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt; trong đó, chú ý tập trung điều chỉnh quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ thực hiện tiếp nhận dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Bắc Quảng Nam sớm đưa vào hoạt động, đồng thời thu hút lựa chọn nhà đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác theo quy hoạch.

**7.** **Văn hóa, giáo dục được quan tâm, công tác an sinh xã hội, y tế được đảm bảo**

Các hoạt động văn hóa trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung cho công tác tuyên truyền, cổ động trực quan, trọng tâm như: Mừng Đảng, đón xuân Nhâm Dần, Kỷ niệm 47 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Ngày Quốc tế Lao động (01/5); kỷ niệm 68 năm Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2022), 132 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890- 19/5/2022), tổ chức các hoạt động kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công (07/8/1912 - 07/8/2022); Hội thảo khoa học nhân kỷ niệm 150 năm Ngày sinh Nhà yêu nước Phan Châu Trinh,... Đặc biệt, tổ chức thành công Lễ Khai mạc Năm Du lịch quốc gia - Quảng Nam 2022 với chủ đề “Quảng Nam - Điểm đến du lịch xanh”; phối hợp tổ chức chương trình Cầu truyền hình “Khúc tráng ca hoà bình” nhân kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ; khai mạc Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Quảng Nam lần thứ IX năm 2022; khai trương Hệ thống du lịch thông minh tỉnh Quảng Nam; công bố chương trình kích cầu du lịch "Quảng Nam - Cảm xúc mùa hè". Tổ chức thành công 07 giải thể thao cấp quốc gia, quốc tế[[31]](#footnote-31). Thể thao thành tích cao đạt nhiều kết quả tốt, đoàn vận động viên Quảng Nam thi đấu các giải thể thao cấp khu vực, quốc gia và quốc tế và đạt vượt cao mức huy chương được giao[[32]](#footnote-32).

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa. Trợ cấp, thăm hỏi trường hợp chính sách người có công; các nội dung, hoạt động trợ cấp, thăm hỏi, tặng quà đối tượng chính sách người có công nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 và kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2022 được chú trọng. Triển khai thực hiện Đề án cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ và các công trình ghi công Liệt sĩ năm 2022 tại 11/18 huyện, thị xã, thành phố[[33]](#footnote-33) và Đề án “Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin quản lý, lưu trữ và khai thác hồ sơ người có công cách mạng”; hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân cải thiện nhà ở[[34]](#footnote-34). Tập trung giải quyết và thực hiện các chế độ liên quan đến đối tượng chính sách người có công với 5.834 trường hợp. Đến nay toàn tỉnh hiện có 15.332 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, hiện còn sống 410 Mẹ, tất cả các Mẹ còn sống đều được các cơ quan đơn vị trong và ngoài tỉnh nhận phụng dưỡng, mức phụng dưỡng bình quân 800.000 đồng/Mẹ/tháng).

Triển khai thực hiện các chính sách trên lĩnh vực bảo trợ xã hội. Trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng hơn 812 tỷ đồng và hơn 1.115 tấn gạo cho hơn 140 nghìn cá nhân, hộ gia đình. Tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 với 376.578 cá nhân, người lao động của 572 lượt doanh nghiệp với kinh phí hỗ trợ hơn 328 tỷ đồng để thực hiện hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê nhà,...

Tổng chỉ tiêu tuyển mới các trình độ giáo dục nghề nghiệp là 22.257 người, đạt 94,7% kế hoạch. Trong đó, cao đẳng, trung cấp 2.817 người, trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng 19.440 người. Có 800 thanh niên đăng ký tham gia học nghề, đã giải quyết chế độ cho 626 thanh niên hoàn thành chương trình đào tạo. Tỷ lệ lao động qua đào tạo cuối năm 2022 ước đạt 69%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng chứng chỉ là 29%, đạt 100% kế hoạch. Tổng số lao động được tạo việc làm tăng thêm ước đạt 15.000/16.000 người, đạt 93,75%; toàn tỉnh có 810/1.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đạt 81% KH năm; ước đến cuối năm 2022 đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch giao.

Tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng và hiệu quả, đặc biệt với lớp 2, lớp 6 trong năm học 2021-2022; triển khai thực hiện dạy học môn Tin học và môn Ngoại ngữ bắt đầu triển khai đối với lớp 3 từ năm học 2022 - 2023; tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 và tài liệu giáo dục địa phương theo lộ trình quy định. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục bắt buộc đối với cấp tiểu học. Tổ chức tốt các kỳ thi cấp tỉnh, thi tuyển sinh vào Trường DTNT tỉnh, Trường THPT chuyên năm học 2023-2024. Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 đạt tỉ lệ 97,84%. Năm học 2022, tỉnh Quảng Nam ở tốp đầu các tỉnh khu vực miền Trung - Tây Nguyên về số lượng học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia[[35]](#footnote-35), công tác xây dựng trường đạt chuẩn được các cấp, các ngành đặc biệt, với 534 trường học đạt chuẩn, chiếm tỉ lệ 66,8%[[36]](#footnote-36). Riêng đối trong năm 2022 đầu tư 12 trường THPT; trong đó, 05 dự án hoàn thành đã bàn giao đưa vào sử dụng, 03 dự án chuyển tiếp và 04 dự án khởi công mới. Việc tập trung đầu tư hạ tầng đã nâng cao cơ sở vật chất tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh, góp phần tăng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia. Trên địa bàn tỉnh Quảng Nam có 61 trường THPT, trong đó có 24 trường đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 39,3%. Vận động thực hiện Chương trình Máy tính cho em. Tổ chức dạy học trực tiếp cho học sinh, đảm bảo hoàn thành khung thời gian năm học 2021-2022. Tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam vào danh sách các trường được đầu tư phát triển Trường Cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019. Phối hợp tổ chức thành công Giải chạy dành cho học sinh, sinh viên "S-Race 2022".

Tiếp tục đầu tư trang thiết bị và mở rộng các Cơ sở y tế, các Bệnh viện tỉnh, Trung tâm y tế huyện, các Trạm y tế xã. Xây dựng kế hoạch phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2022, tập trung chỉ đạo đồng bộ các giải pháp phòng, chống và tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19[[37]](#footnote-37), sốt xuất huyết, đậu mùa khỉ và các dịch bệnh khác, kiểm soát dịch bệnh, ngăn chặn kịp thời không để lây lan diện rộng. Tiếp tục chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch sốt xuất huyết, theo dõi giám sát chặt chẽ từng ổ dịch và có các biện pháp tích cực xử lý triệt để ổ dịch. Đến nay, đã ghi nhận 12.955 ca mắc sốt xuất huyết tại 18/18 huyện/thị/thành phố, số mắc tăng 22,1 lần so với cùng kỳ.

**8.** **Cải cách hành chính thực hiện đồng bộ, quyết liệt, mạnh mẽ gắn với chuyển đổi số**

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục được thực hiện hiệu quả, từng bước nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức. Có 100% các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện đã triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Rà soát, bổ sung đầy đủ 100% quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa. Triển khai thủ tục hành chính liên thông cho 18/18 huyện áp dụng tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính liên thông 03 cấp đối với các lĩnh vực: đất đai, lao động, người có công.

Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025; có 17 Sở, ngành và 18 huyện, thị xã, thành phố đã ban hành kế hoạch số hóa với 2.044 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Qua đó, các thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn ngày càng tăng[[38]](#footnote-38).

Tiếp tục rà soát và ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế theo Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; hoàn thành sắp xếp, kiện toàn tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Đề án vị trí việc làm khối tổ chức hành chính của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Tăng cường kiểm tra công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số năm 2022. Phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) với Cổng Dịch vụ công quốc gia,… Triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống bản đồ thực thi thể chế của tỉnh, cung cấp thông tin giám sát, thống kê đối với các chỉ tiêu về tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Khung kiến trúc phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Nam. Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo Danh mục dịch vụ công trực tuyến. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã thực hiện cung cấp 1.459 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; trong đó, cấp huyện 226 dịch vụ; cấp xã 95 dịch vụ. Đã thực hiện tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia 1.398 dịch vụ công, đạt tỷ lệ 95,8%.

**9. Công tác nội chính, quốc phòng - an ninh được đảm bảo, đối ngoại được tăng cường**

Thực hiện 19 cuộc thanh tra năm 2021 chuyển sang và triển khai 193/193 cuộc thanh tra theo kế hoạch năm 2022, đạt tỷ lệ 100% kế hoạch năm và thực hiện 51 cuộc thanh tra đột xuất. Qua thanh tra đã ban hành 193 kết luận thanh tra, phát hiện sai phạm 50,3 tỷ đồng, 148.355,7 m2 đất tại 600 đơn vị, cá nhân được thanh tra; kiến nghị thu hồi nộp ngân sách Nhà nước 28,151 tỷ đồng và 144.490,2 m2 đất; kiến nghị chấn chỉnh, giảm trừ quyết toán, xử lý khác 22,199 tỷ đồng và 3.865,5 m2 đất; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm 224 tập thể, 264 cá nhân, kiến nghị chuyển Cơ quan Điều tra 01 vụ, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã khởi tố 01 vụ.

Toàn tỉnh tổ chức tiếp 12.492 lượt/13.222 người[[39]](#footnote-39), tăng 22,3% về số lượt so với cùng kỳ; có 60 đoàn nhiều người[[40]](#footnote-40). Tiếp nhận, xử lý 9.524 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh[[41]](#footnote-41), tăng 13,2% so với cùng kỳ. Trong đó, 564 đơn khiếu nại, tăng 4,8% so với cùng kỳ; 161 đơn tố cáo, tăng 85,1%; 8.799 đơn kiến nghị, phản ánh, tăng 12,9%. UBND tỉnh đã tổ chức chỉ đạo các ngành chức năng xử lý và thẩm tra, xác minh giải quyết theo quy định, đã góp phần hạn chế đơn khiếu nại, tố cáo vượt cấp, đảm bảo an ninh, trật tự.

Trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 130 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 95 người, bị thương 82 người; so với cùng kỳ số vụ tai nạn giao thông đường bộ giảm 8 vụ, giảm 6 người chết và giảm 12 người bị thương. Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 16 đợt thiên tai: 04 vụ mưa lớn; 03 vụ sạt lở sụt lún đất; 07 vụ sét đánh, dông lốc; 02 cơn bão; so với cùng tổng số vụ thiên tai tăng 8 vụ với thiệt hại ước tính hơn 4,4 nghìn tỷ đồng.

Quốc phòng, an ninh được củng cố, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; tình hình an ninh trên tuyến biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và tình hình nội bộ nhân dân ổn định, không xảy ra vụ việc đột xuất, bất ngờ, phức tạp. Các lực lượng vũ trang duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu ở cơ quan, đơn vị theo quy định. Hoàn thành tốt công tác giao nhận quân, ra quân huấn luyện năm 2022.

Các lực lượng quân đội, công an, biên phòng thường xuyên phối hợp làm tốt công tác kiểm tra, kiểm soát địa bàn. Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; đồng loạt ra quân tấn công trấn áp các loại tội phạm ma túy, cho vay nặng lãi, đánh bạc qua mạng, điều tra xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, triệt xóa các tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội, góp phần đảm bảo tốt tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

Tình hình an ninh, quốc phòng, tình hình chính trị và trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới giữa hai tỉnh Quảng Nam và Sê Koong ổn định, chủ quyền an ninh biên giới được giữ vững. Tổ chức thành công Hội nghị cấp cao Quảng Nam - Sê Koong 2022 và kỷ niệm 45 năm ngày ký Hiệp ước Hợp tác và Hữu nghị và 60 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước Lào - Việt Nam. Quan hệ hợp tác giữa tỉnh Quảng Nam với hai tỉnh Sê Koong và Chămpasak tiếp tục được duy trì, đạt được nhiều kết quả tích cực[[42]](#footnote-42).

**II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Mặt được**

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 tiếp tục phát triển khởi sắc, tăng trưởng hầu hết trên tất cả các lĩnh vực. Khu vực công nghiệp tiếp tục đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế. Khu vực dịch vụ tăng trưởng khởi sắc khi nhiều hoạt động dịch vụ sôi động trở lại, đặc biệt hoạt động du lịch phục hồi mạnh mẽ và tăng trưởng khá so với cùng kỳ. Khu vực xây dựng tăng trưởng khá, tuy còn gặp nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu tăng cao; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tuy chịu ảnh hưởng yếu tố thời tiết bất lợi nhưng vẫn giữ được mức tăng trưởng, nổi bật như sau: **(1)** Chủ động triển khai toàn diện, quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19. **(2)** Tốc độ tăng trưởng GRDP dự kiến tăng 11,2%, thuộc nhóm các tỉnh có mức tăng trưởng cao nhất của cả nước. Thu ngân sách nhà nước tăng khá cao so với cùng kỳ, vượt so với dự toán. **(3)** Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được chú trọng; số doanh nghiệp hoạt động trở lại tăng; huy động vốn đầu tư toàn xã hội tăng 19,1% so với cùng kỳ. **(4)** Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, tài nguyên và môi trường, chuyển đổi số được đẩy mạnh; công tác GPMB, triển khai các dự án trọng điểm, động lực, các dự án trong KKT, KCN được tập trung đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ. **(5)** Công tác chăm lo, bảo đảm đời sống nhân dân được chú trọng. An sinh xã hội được bảo đảm, hỗ trợ kịp thời người dân, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, giảm nghèo được thực hiện hiệu quả, thiết thực. **(6)** Công tác thanh tra, giải quyết đơn thư được tập trung chỉ đạo giải quyết. **(7)** Quốc phòng an ninh, chủ quyền biên giới, biển đảo được giữ vững, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được triển khai tích cực, chủ động.

**2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn tồn tại, hạn chế: **(1)** Mặc dù nguồn thu ngân sách nhà nước tăng, tuy nhiên đối với nguồn thu từ tiền sử dụng đất còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, dự báo trong trung hạn sẽ khó đảm bảo dự toán đề ra[[43]](#footnote-43), giải ngân vốn đầu tư còn chậm. **(2)** Công tác lập Quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung của một số địa phương còn chậm so với yêu cầu; tiến độ triển khai các dự án, công trình trọng điểm chưa bảo đảm, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia triển khai còn chậm; công tác phối hợp giải quyết các hồ sơ, thủ tục giữa các Sở, ngành, địa phương còn chậm, nhiều văn bản đề nghị góp ý có trả lời chậm hoặc có trường hợp không trả lời. **(3)** Tình hình khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai còn phức tạp, kéo dài ở một số dự án tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh.

Những hạn chế nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan; trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu: **(1)** Công tác điều hành, tổ chức thực hiện trên một số lĩnh vực công tác ở một số cấp, cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự chủ động, thiếu quyết liệt; có nội dung còn lúng túng, thiếu linh hoạt, tính tự chủ, tự lực chưa cao. **(2)** Năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa, tổ chức thực hiện và tinh thần trách nhiệm của một số cơ quan chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, chưa theo kịp yêu cầu đòi hỏi của tình hình thực tế. **(3)** Công tác phối hợp giữa Sở, Ban, ngành cấp tỉnh với cấp huyện trong tháo gỡ các điểm nghẽn, xử lý những vấn đề khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính chưa kịp thời, vẫn còn có hiện tượng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. **(4)** Một số dự án sản xuất, nhà ở, khu đô thị phải gia hạn, điều chỉnh tiến độ kéo dài thời gian thực hiện, chậm nộp tiền sử dụng đất; một số dự án tổ chức huy động vốn, chuyển nhượng, phân lô bán nền khi chưa hoàn thiện các thủ tục theo quy định, dẫn đến tranh chấp kéo dài.

Bên cạnh đó, cũng có một số nguyên nhân khách quan: **(1)** Do dịch Covid-19 lây lan nhanh trong cộng đồng trong những tháng đầu năm, nhất là ở các khu công nghiệp, số ca mắc mới tăng nhanh do các biến chủng mới gây thiếu hụt lao động tạm thời ở nhiều doanh nghiệp. **(2*)*** Tác động của thiên tai với thời tiết mưa lũ trái mùa bất thường gây thiệt hại nặng nề trong sản xuất nông nghiệp. **(3)** Các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa nhiều thời điểm bị ảnh hưởng bởi chính sách thắt chặt phòng, chống dịch Covid-19, gây gián đoạn một số chuỗi cung ứng quốc tế; giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động, giá xăng dầu tăng cao.

**3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022**

So với **15 chỉ tiêu** theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra năm 2022, dự kiến **vượt** đối với **5 chỉ tiêu** quan trọng: (1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh GRDP (giá so sánh năm 2010); (2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP; (3) Thu ngân sách trên địa bàn; (4) Giảm số hộ nghèo; (5) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh. **10 chỉ tiêu** dự kiến **đạt**, đó là: (1) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới; (2) Tỷ lệ lao động qua đào tạo; (3) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi); (4) Số giường bệnh/vạn dân; (5) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế; (6) Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch; (7) Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom; (8) Tỷ lệ che phủ rừng; (9) Tỷ lệ công dân gọi nhập ngũ (đạt), Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng (đạt), Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện (vượt); (10) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn an toàn về an ninh, trật tự, cụ thể:

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Kế hoạch năm 2022** | **Dự kiến thực hiện năm 2022** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP giá so sánh 2010) | % | 7,5-8,0 | 11,2 | Vượt |
| 2 | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP | % | >30 | 30,8 | Vượt |
| 3 | Thu ngân sách trên địa bàn | Tỷ đồng | 23.700 | 32.144  | Vượt |
| *Trong đó thu nội địa* | *Tỷ đồng* | *19.000* | *25.210*  | *Vượt* |
| 4 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới | xã | 123/194 | 123/194 | Đạt |
| *Trong đó số xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022*  | *xã* | *05* | *05* | *Đạt* |
| 5 | Giảm số hộ nghèo | hộ | 3.000 | 3.318 | Vượt |
| 6 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | 69 | 69 | Đạt |
| *Trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ*  | % | *29* | *29* | Đạt |
| 7 | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) | % | <21,2 | <21,2 | Đạt |
| 8 | Số giường bệnh/vạn dân | Giường/vạn dân | 44,6 | 44,6 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế | % | 96 | 96 | Đạt |
| 10 | Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh | % | 95,6 | 95,7 | Vượt |
| 11 | Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch | % | 82,5 | 82,5 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom | % | 97 | 97 | Đạt |
| 13 | Tỷ lệ che phủ rừng | % | 59,5 | 59,5 | Đạt |
| 14 | Tỷ lệ công dân gọi nhập ngũ | % | 100 | 100 | Đạt |
| Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng | % | 100 | 100 | Đạt |
| Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện | % | >70 | 74,27 | Vượt |
| 15 | Tỷ lệ xã, phường, thị trấn an toàn về an ninh, trật tự | % | >80 | >80 | Đạt |

**Phần thứ hai**

**ÐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023**

Thời gian đến, tình hình kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Giá cả nguyên vật liệu sản xuất, lạm phát có nguy cơ gia tăng. Tình hình chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, nhất là ảnh hưởng từ xung đột quân sự Nga và Ukraine; tình trạng thiếu hụt nguồn cung, đứt gãy chuỗi cung ứng vẫn còn xảy ra; dịch Covid-19 còn tiếp diễn và chứa ẩn nhiều rủi ro; biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ. Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới và xu hướng thúc đẩy thích ứng, mở cửa sau dịch Covid-19, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, tăng cường hợp tác giữa các quốc gia vừa là thời cơ, vừa là thách thức.

 Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và các Nghị quyết, Kết luận, Chương trình của Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, khóa XXII[[44]](#footnote-44). Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn, thách thức nêu trên, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế trong nước ổn định; cùng với những giải pháp chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp sẽ tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng; phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua các khó khăn, thách thức, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2021-2025. Trong bối cảnh đó, UBND tỉnh dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội năm 2023, như sau:

**I. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

Tiếp tục thực hiện nghiêm, đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tiêm vắcxin mũi nhắc lại trong toàn dân. Hỗ trợ ổn định đời sống cho người dân, khôi phục sản xuất, khắc phục khẩn cấp các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu bị hư hỏng do bão, lũ, nhất là công trình y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi. Đẩy nhanh thực hiện thủ tục các dự án, phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2023 thúc đẩy tăng trưởng. Tập trung đẩy mạnh hoàn thành công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm, các dự án chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXIII, nhiệm kỳ (2025-2030). Khẩn trương hoàn chỉnh các thủ tục và triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình phục hồi kinh tế trong năm 2023 theo đúng quy định. Đẩy mạnh thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế. Triển khai và thực hiện tốt công tác quy hoạch và chương trình chuyển đổi số, chính quyền số. Phát triển công nghiệp bền vững theo chiều sâu. Phục hồi và phát triển dịch vụ - du lịch. Thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, kinh tế - xã hội miền núi và kinh tế biển. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá chiến lược, lấy đầu tư công dẫn dắt để thu hút tối đa các nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác; góp phần quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

**II. DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

**1. Nhóm chỉ tiêu về kinh tế:**

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP giá so sánh 2010) tăng trên 9,0%.
2. Tỷ lệ vốn đầu tư/GRDP chiếm trên 30%.
3. Thu ngân sách trên địa bàn đạt 26.680 tỷ đồng; trong đó thu nội địa 20.880 tỷ đồng.
4. Phấn đấu có thêm ít nhất 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 130 xã/194 xã, đạt tỷ lệ 67%.

**2. Nhóm chỉ tiêu về xã hội:**

1. Phấn đấu giảm 3.000 hộ nghèo.
2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71% (trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%).
3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) dưới 20,8%.
4. Số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 45,2 giường/vạn dân.
5. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,1%.

**3. Nhóm chỉ tiêu về môi trường:**

1. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95,8%.
2. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 83%.
3. Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom đạt 98%.
4. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 60%.

**4. Chỉ tiêu về an ninh, quốc phòng:**

(14) Hoàn thành 100% chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ và động viên quốc phòng; 100% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng; trên 70% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện.

(15) 80% trở lên xã, phường, thị trấn an toàn về an ninh, trật tự.

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Kế hoạch 2022** | **Dự kiến thực hiện 2022** | **Kế hoạch 2023** | **TH 2022 so KH 2022 (%)** | **KH 2023 so ước TH 2022 (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) | % | 7,5-8,0 | 11,2 | >9,0 |   |   |
| 2 | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP | % | >30 | 30,8 | >30 |   |   |
| 3 | Thu ngân sách trên địa bàn | Tỷ đồng | 23.700 | 32.144  | 26.680 | 135,6 | 83,0 |
| *Trong đó: Thu nội địa* | *Tỷ đồng* | *19.000* | *25.210*  | *20.880* | 132,6 | 82,8 |
| 4 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới | xã | 123/194 | 123/194 | 130/194 |   |   |
| *Trong đó số xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021*  | *xã* | *5* | *5* | *7* | 100 | 140,0  |
| 5 | Giảm số hộ nghèo | hộ | 3.000 | 3.318 | 3.000 | 110,6 | 90,42  |
| 6 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | 69 | 69 | 71 |   |   |
| *Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ*  | *%* | *29* | *29* | *31* |  |  |
| 7 | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) | % | <21,2 | <21,2 | <20,8  |   |   |
| 8 | Số giường bệnh/vạn dân | Giường/vạn dân | 44,6 | 44,6 |  45,2 | 100 | 101,35  |
| 9 | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế | % | 96 | 96 |  96,1 |   |   |
| 10 | Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh | % | 95,6 | 95,7 | 95,8 | 100,10  | 100,10 |
| 11 | Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch | % | 82,5 | 82,5 |  83 |   |   |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom | % | 97 | 97 |  98 |  |   |
| 13 | Tỷ lệ che phủ rừng | % | 59,5 | 59,5 | 60,0 |   |   |
| 14 | Tỷ lệ công dân gọi nhập ngũ | % | 100 | 100 | 100 |   |   |
| Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh | % | 100 | 100 | 100 |  |  |
| Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện | % | >70 | 74,27 | >70 |  |  |
| 15 | Tỷ lệ xã, phường, thị trấn an toàn về an ninh, trật tự | % | >80 | >80 | >80 |   |   |

**III. DỰ KIẾN CÁC CÂN ĐỐI LỚN TRONG NĂM 2023**

**1. Khả năng cân đối ngân sách**

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước năm 2022 là 26.680 tỷ đồng, tăng 12,6% so với kế hoạch năm 2022; trong đó thu nội địa là 20.880 tỷ đồng, tăng 9,9% so với kế hoạch năm 2022. Thu xuất nhập khẩu 5.800 tỷ đồng, tăng 23,4% so với kế hoạch năm 2022.

**2. Dự báo cân đối vốn đầu tư phát triển**

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội dự kiến 40.358 tỷ đồng, chiếm khoảng 30% tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (giá hiện hành). Dự kiến huy động các nguồn vốn như sau:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh gần 3.021 tỷ đồng, chiếm 7,5%.

- Ngân sách địa phương quản lý hơn 4.757 tỷ đồng, chiếm 11,8%.

- Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khoảng 9.686 tỷ đồng, chiếm hơn 24%.

- Nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp ngoài nhà nước và nhân dân khoảng 19.215 tỷ đồng, chiếm 57%.

**3. Lao động việc làm**

- Số lao động được tạo việc làm tăng thêm: 16.000 người; số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 1.200 người. Tỷ lệ lao động thất nghiệp dưới 4%.

- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp dưới 40%; công nghiệp - xây dựng và dịch vụ khoảng 60%.

**III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1.** **Xây dựng và thực hiện tốt Chương trình phục hồi kinh tế, đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức cạnh tranh, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững**

*Xây dựng và triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế.* Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp bị tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động, linh hoạt, sáng tạo chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh cho phù hợp như hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm; triển khai các giải pháp phục hồi đầu tư; giải pháp phát triển vùng, đô thị và giải pháp phát triển lực lượng lao động. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất; tăng cường liên kết, hợp tác kinh doanh phát triển các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, dịch vụ đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Tổ chức và thực hiện hiệu quả các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội[[45]](#footnote-45).

 *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển song song ngành công nghiệp và dịch vụ, lấy định hướng phát triển dịch vụ - du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn*. Triển khai có hiệu quả Kết luận số 29-KL/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện ba nhiệm vụ đột phá chiến lược giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy về định hướng phát triển vùng Đông Nam của tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, xây dựng vùng Đông Nam của tỉnh trở thành chuỗi đô thị - trung tâm dịch vụ, du lịch - công nghiệp sạch - nông nghiệp công nghệ cao; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử; phục hồi hệ sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế biển và vùng ven biển của tỉnh phát triển mạnh, giữ vai trò chủ lực trong nền kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo. Đưa ngành công nghiệp trở thành động lực, tạo đột phá tăng trưởng kinh tế; phát triển dịch vụ - du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.

 *Phát triển công nghiệp:*tổ chức xây dựng hoàn chỉnhĐề án Phát triển trung tâm chế biến sâu các sản phẩm từ silica trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, Đề án Phát triển và hình thành Trung tâm công nghiệp dược liệu tại Quảng Nam. Từng bước xây dựng hệ sinh thái công nghiệp, trong đó tập trung xây dựng Đề án thí điểm cơ chế khuyến khích hợp tác liên kết sản xuất theo cụm ngành công nghiệp phụ trợ và công nghiệp cơ khí tại Khu kinh tế mở Chu Lai; tổ chức kết nối, tạo cơ hội hợp tác đầu tư giữa các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với Thaco Industries về công nghiệp cơ khí hỗ trợ. Tập trung xúc tiến, triển khai các nhóm dự án ngành công nghiệp thuộc vùng Đông của tỉnh, kịp thời tháo gỡ khó khăn, đưa các dự án trọng điểm đi vào hoạt động, phát triển mở rộng Khu phức hợp ô tô Chu Lai - Trường Hải. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp chủ lực, có thế mạnh của tỉnh như công nghiệp hỗ trợ ngành sản xuất, lắp ráp ôtô, cơ khí chế tạo, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất các ngành công nghiệp dệt may, da giày, hóa chất, nông nghiệp công nghệ cao… đáp ứng nguyên liệu đầu vào, tăng tỷ trọng nội địa trong các sản phẩm công nghiệp.

 Tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng và bố trí dự án trong các khu công nghiệp đã được cấp phép đầu tư tại Khu công nghiệp Tam Thăng; Khu công nghiệp Tam Anh, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Khu công nghiệp và hậu cần cảng Tam Hiệp. Xây dựng cơ chế chính sách, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp mới trên địa bàn tỉnh.

 *Phát triển dịch vụ - du lịch định hướng thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, thu hút, đẩy mạnh phát triển du lịch để lấy lại đà tăng trưởng*. Triển khai hệ thống phần mềm du lịch thông minh tỉnh Quảng Nam, tập trung phát triển những ngành dịch vụ có hàm lượng trí tuệ và công nghệ cao[[46]](#footnote-46), tạo đột phá để thu hút nhiều hơn vốn đầu tư của tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài vào những ngành dịch vụ. Chú trọng phát triển các ngành dịch vụ có khả năng thúc đẩy sự phát triển một số ngành công nghiệp trọng yếu và cùng tham gia hình thành chuỗi giá trị. Phát triển các ngành dịch vụ phục vụ cho sản xuất công nghiệp như dịch vụ tài chính, ngân hàng; dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông.

 Hoàn chỉnh xây dựng Đề án bảo tồn, phát huy giá trị di sản thế giới đô thị cổ Hội An và Đề án xã hội hóa Khu đền tháp Mỹ Sơn. Tập trung phát triển các loại hình du lịch, đặc biệt là thu hút các dự án du lịch cao cấp khu vực ven biển. Thúc đẩy tiến độ triển khai các dự án đô thị, du lịch: Nam Hội An, dự án Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng Vinpearl Quảng Nam... gắn với đề xuất nghiên cứu xây dựng Đề án Đền thờ Vua Hùng tại tỉnh Quảng Nam. Chú ý phát triển du lịch văn hóa và sinh thái mà trung tâm lan tỏa là hai di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn và Hội An; tổ chức quản lý phát huy các tour du lịch đến thăm viếng Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng, liên kết với các tour du lịch khu vực ven biển phía Nam và Hồ Phú Ninh. Kết nối phát triển du lịch với phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và khu vực nông thôn. Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, đặc biệt là tại các khu du lịch, điểm du lịch ven biển thuộc Hội An, Điện Bàn, Tam Kỳ, Núi Thành. Đầu tư nâng cấp khai thác sân bay Chu Lai; phát triển du lịch biển, đảo; du lịch sinh thái Cù Lao Chàm, Hồ Phú Ninh, du lịch văn hoá, du lịch cộng đồng. Lồng ghép các chương trình tôn tạo, bảo vệ và phát huy các di sản, di tích; khôi phục, phát triển các làng nghề và bảo vệ môi trường. Phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng, dịch vụ vận tải, viễn thông, công nghệ thông tin. Ðẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch trong và ngoài nước.

 *Phát triển kinh tế biển, cảng biển và dịch vụ cảng biển:* Thực hiện quy hoạch cảng biển Chu Lai đã được quy hoạch thành cảng biển quốc gia (cảng loại 1), là đầu mối trung chuyển vùng, kết nối đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa với đường biến quốc tế, là cửa ngõ kết nối ra biển Đông của vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Thái Lan. Hoàn thành nạo vét luồng vào cảng Kỳ Hà cho tàu 02 vạn tấn lưu thông thuận lợi; đồng thời, xúc tiến các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn đầu tư xã hội hóa, kết hợp nguồn vốn ngân sách tỉnh đầu tư mở tuyến luồng mới Cửa Lở đảm bảo cho tàu 05 vạn tấn ra, vào cập cảng; bổ sung quy hoạch phát triển các bến cảng mới Tam Giang và Tam Hòa (ngoài các Bến Kỳ Hà và Chu Lai hiện có); thu hút, kêu gọi đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa, phát triển dịch vụ hậu cần cảng và logistics gắn với Cảng biển Chu Lai, trở thành trung tâm vận chuyển hàng hóa trong nước và quốc tế; trong đó, có các hàng hóa, máy móc, thiết bị sản xuất từ các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

 *Phát triển nông nghiệp hiện đại, xây dựng nông thôn mới, nông thôn văn minh* *gắn với phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*. Triển khai thực hiện có hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện một số dự án quan trọng tại vùng Tây giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 theo Nghị quyết 12-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy và Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước làm vốn mồi, huy động mọi nguồn lực đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống ngày càng nâng cao, giảm chênh lệch vùng miền. Tiếp tục rà soát, cơ cấu lại ngành nông, lâm, thủy sản phù hợp với lợi thế của từng vùng, theo hướng hiện đại, gia tăng giá trị. Nâng cao năng lực chế biến nông sản, phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp, đa dạng các hình thức hợp tác. Liên kết sản xuất, tiêu thụ kết nối với hệ thống tiêu thụ sản phẩm, chuỗi giá trị. Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển dược liệu thành ngành kinh tế trọng điểm. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng, khôi phục và phát triển các làng nghề để tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Khuyến khích phát triển các loại hình du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, cộng đồng, du lịch làng nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, du lịch vùng Sâm,...

 Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp chuyên nông - lâm nghiệp Tam Anh Nam, thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ công nghệ cao, áp dụng cơ giới hóa, kết hợp nghiên cứu, sản xuất, chuyển giao sản xuất cho người nông dân và thu mua - chế biến - phân phối, xuất khẩu để nâng cao giá trị sản phẩm.

 Tiếp tục quy hoạch, phát triển vùng chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghệ sạch, an toàn; phát triển khu cảng cá và dịch vụ hậu cần nghề cá Tam Quang; phát triển mô hình Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bình Sa để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh, hướng vào cung cấp nguyên liệu, rau quả, thực phẩm chất lượng cao cung ứng cho thị trường; phát triển các mô hình Làng sinh thái nông nghiệp gắn phát triển du lịch cộng đồng, trở thành các điểm tham quan du lịch.

 Phát triển lâm nghiệp đa chức năng, mô hình nông lâm kết hợp, trồng rừng gỗ lớn, gỗ quý và lâm sản ngoài gỗ, nhất là các loại dược liệu dưới tán rừng; thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái gắn với phát triển du lịch sinh thái. Chủ động bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng, góp phần ổn định, giữ vững độ che phủ rừng 60%.

 **2. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba nhiệm vụ đột phá chiến lược**

 Huy động các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế vùng Đông theo hướng dịch vụ du lịch - công nghiệp - kinh tế biển - nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển vùng Đông nhằm thu hút các dự án trọng điểm, chiến lược quốc gia, làm động lực để lan tỏa thúc đẩy phát triển vùng Tây, cho cả tỉnh và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Tổ chức và xây dựng hoàn chỉnh đề xuất Đề án xã hội hoá đầu tư, khai thác Cảng hàng không Chu Lai gắn với Khu phi thuế quan Tam Quang. Phát triển hệ thống cảng biển Kỳ Hà, sân bay Chu Lai, hạ tầng các Khu công nghiệp gắn với nhóm dự án về dịch vụ vận tải, hậu cần cảng và logistics, phù hợp với định hướng phát triển không gian xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

 Xây dựng Đề án sáp nhập 03 đơn vị hành chính: Tam Kỳ, Núi Thành, Phú Ninh, từng bước mở rộng không gian đô thị, hình thành đô thị loại I vào năm 2030. Xây dựng thành phố Hội An trở thành thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch. Huy động các nguồn lực, đảm bảo tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm khoảng 30% tổng sản phẩm trong tỉnh; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; kiểm soát nợ xây dựng cơ bản. Chú trọng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, đa dạng hóa hình thức đầu tư để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung cho các công trình, dự án quan trọng, có sức lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Chú trọng huy động các nguồn lực để ưu tiên đầu tư, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường; xử lý chất thải và cung cấp nước sạch cho nhân dân.

 Phấn đấu hoàn thành và đưa vào sử dụng hoàn chỉnh tuyến đường Đường Võ Chí Công nối từ Cửa Đại đến Sân bay Chu Lai, đảm bảo tính kết nối liên vùng ven biển từ Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi, tuyến đường vành đai ven biển. Đầu tư nạo vét thoát lũ sông Trường Giang phục vụ mục tiêu phòng, chống thiên tai, cải tạo môi trường, từng bước hình thành tuyến đường du lịch ven sông kết hợp kêu gọi đầu tư xã hội hóa các cảng du lịch để thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ ven sông vùng Đông Nam của tỉnh, đồng thời xây dựng các công trình vượt sông Trường Giang đảm bảo đáp ứng nhu cầu giao thông và tạo điểm nhấn cảnh quan để phát triển du lịch, dịch vụ. Tổ chức triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng các tuyến đường kết nối đường cao tốc, Quốc lộ 1A với đường Võ Chí Công, các cầu qua sông Trường Giang như: Đường nối từ đường cứu hộ cứu nạn đến Quốc lộ 1A (tại ngã ba cây Cốc); Đường trục chính từ khu công nghiệp Tam Thăng đi cảng Kỳ Hà và sân bay Chu Lai; Đường trục chính Tam Hòa nối từ Quốc lộ 1 đến đường Võ Chí Công. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại bảo đảm liên thông, kết nối liên vùng và phát triển đô thị; đầu tư xây dựng các dự án có tính liên kết cao như: Quốc lộ 14D, Quốc lộ 14E và tuyến đường về Cảng Chu Lai tạo kết nối liên vùng từ ngân sách Trung ương hỗ trợ cùng với kêu gọi, thu hút các tổ chức các nhân tham gia theo hình thức xã hội hóa. Sử dụng ngân sách tỉnh làm cơ sở dẫn dắt kinh tế tư nhân bằng trục Đông Tây, Bắc Nam.

 Khởi công mới một số dự án quan trọng có tính chất liên vùng, tạo động lực phát triển như: dự án mở rộng và hoàn thiện tuyến đường Đường Võ Chí Công; Đường trục chính Tam Hòa nối từ Quốc lộ 1 đến đường Võ Chí Công và ĐT613B; Đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam; Cầu Tân Bình và đường tránh Quốc lộ 14E qua nội thị thị trấn Tân Bình; Mở rộng đường Quốc lộ 1A (đoạn giáp thành phố Tam Kỳ đến nút giao đường ĐT615 mới); Nâng cấp đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ; Đầu tư trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố; xây dựng các trường đạt chuẩn, tiếp tục đầu tư hoàn thiện đồng bộ cơ sở vật chất trung tâm y tế như: Trường THPT Núi Thành, Trường THPT Lương Thúc Kỳ, Trường THPT Quế Sơn; Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc; Mua sắm trang thiết bị y tế cho bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Quảng Nam;... Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hạ tầng và tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy, nâng cao hiệu quả sử dụng đất các khu công nghiệp, đầu tư Khu xử lý nước thải vùng Đông; Khu xử lý chất thải rắn Nam Quảng Nam, Đường vào khu xử lý chất thải rắn Nam Quảng Nam; Đóng cửa khu chôn lấp rác thải tại xã Đại Hiệp… Tiếp tục bố trí các nguồn vốn để thực hiện các Chương trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh, nhất là 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

 Đầu tư, phát triển các khu du lịch tập trung ven biển theo hình thức khu du lịch, dịch vụ, vui chơi, nghỉ dưỡng cao cấp với các sản phẩm đặc thù để hình thành chuỗi du lịch, dịch vụ cao cấp ven biển từ Thăng Bình đến Núi Thành, dọc theo sông Trường Giang và tuyến đường Võ Chí Công; kết hợp phát triển du lịch cộng đồng phát huy làng nghề truyền thống, du lịch sinh thái đồng quê. Phát triển các khu nghỉ dưỡng biển, vui chơi giải trí, cảng biển du lịch, quảng trường biển, du lịch sinh thái đồng quê. Phát triển các đô thị ven biển vùng Đông Nam như: Khu đô thị Bình Minh, Khu đô thị Bình Hải - Bình Sa, Khu đô thị công nghệ tại TP Tam Kỳ; Khu đô thị quy mô lớn vùng Đông và đô thị Tam Hòa, Tam Tiến.

 Chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Tỉnh ủy về chương trình chuyển đổi số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Đề án Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện dự án xây dựng thành phố thông minh tại thành phố Tam Kỳ, do Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (Koica) tài trợ, làm định hướng quy hoạch đô thị thông minh cho 4 đô thị chính của tỉnh.

 Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với quá trình tăng quy mô và nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh gắn chặt với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị. Tiếp tục thực hiện và tổng kết Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Tiếp tục thực hiện lồng ghép có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và đầu tư các trường THPT thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025[[47]](#footnote-47), đặc biệt tại các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại các cơ sở đào tạo. Đẩy mạnh mô hình doanh nghiệp gắn với đào tạo nghề nghiệp, xã hội hóa lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

 Tập trung triển khai nâng cao chất lượng điều hành nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh vì sự phát triển của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Quảng Nam năm 2022, quyết tâm cải thiện thứ hạng các chỉ số: PAR INDEX, PAPI, SIPAS[[48]](#footnote-48). Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, quy định, quy trình bất hợp lý, chồng chéo, mâu thuẫn; tiếp tục cắt giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cấp phép đầu tư, nhất là về xây dựng, tài nguyên, môi trường, đất đai. Giảm thời gian thực hiện các thủ tục thuế, hải quan, kiểm tra, thông quan, xuất, nhập khẩu hàng hóa, xuất, nhập cảnh, kiểm dịch.

Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, dạy nghề, thể thao và môi trường theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh. Tổ chức gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh. Cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ đào tạo lao động, tiếp cận và ổn định trong sử dụng đất đai, vốn nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh. Năm 2023, phấn đấu phát triển thêm khoảng 1.700 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp hoạt động lên hơn 10.300 doanh nghiệp; xử lý dứt điểm và tiến hành giải thể các hợp tác xã yếu kém, ngừng hoạt động. Triển khai phương án chuyển đổi mô hình hợp tác xã thích ứng với yêu cầu mới, cung cấp các dịch vụ cho kinh tế hộ phát triển. Củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các loại hình kinh tế hợp tác. Hỗ trợ thành lập mới, đào tạo bồi dưỡng, xúc tiến thương mại, cơ sở hạ tầng, khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế hợp tác.

**3.** **Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành thu, chi ngân sách đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới**

 Tập trung triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nghị quyết về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho cấp huyện giai đoạn 2021-2025; nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách (2023-2025); dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2023; phấn đấu thu vượt chỉ tiêu được giao.

 Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, kết hợp đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp quản lý, điều hành thu, chi ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, đầu tư công, quản lý và sử dụng đất đai; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài sản công theo quy định pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư. Cơ cấu lại chi đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tập trung nguồn lực triển khai hoàn thành dứt điểm các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa rộng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

 **4.** **Gắn kết chặt chẽ giữa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển con người, đảm bảo công tác an sinh, xã hội**

 Chú trọng phát triển bền vững, đảm bảo an sinh, phúc lợi, tiến bộ và công bằng xã hội, hài hòa giữa đô thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần. Quan tâm, chăm lo đối tượng yếu thế, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, người có công với cách mạng,...

Tiếp tục quan tâm đầu tư cho công tác y tế, nhất là chất lượng đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, gắn với ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các hoạt động y tế, chú trọng y tế cơ sở. Củng cố, hiện đại hóa, nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở đáp ứng yêu cầu thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19. Tổ chức triển khai hiệu quả, đúng tiến độ các dự án y tế y tế, dân số và gia đình thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của chính phủ cho 76 trạm y tế xã, phường và 05 Trung tâm y tế huyện với tổng vốn đầu tư 296 tỷ đồng. Chú trọng thực hiện chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, cho trẻ em và các trường hợp chính sách xã hội khác. Triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm có nguy cơ cao xảy ra ở người.

 Tập trung giải quyết nhu cầu cấp thiết của người dân về nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt,…; đẩy mạnh việc sắp xếp dân cư miền núi. Phát triển giáo dục, đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập ổn định cho lao động ở các xã nông thôn, miền núi, nhất là lao động trẻ. Quan tâm, chăm lo giải quyết nhà ở gắn với các thiết chế văn hóa - xã hội phục vụ công nhân, lao động trong các khu công nghiệp, người lao động có thu nhập thấp. Triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động của Chính phủ và của UBND tỉnh. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng; nâng cao chất lượng thể thao chuyên nghiệp, thành tích cao.

 **5.** **Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và thực hiện các quy hoạch; hoàn thành Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Triển khai tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành và các địa phương giáp ranh trình Hội đồng thẩm định Quốc gia, HĐND tỉnh và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở triển khai thực hiện kể từ đầu năm 2023. Hoàn chỉnh Quy hoạch chi tiết vùng đất, vùng nước cảng biển tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục Quy hoạch vùng liên huyện phía Đông; Quy hoạch cảnh quan ven sông Cổ Cò, Trường Giang - Thu Bồn, đường Võ Chí Công và các quy hoạch phân khu phù hợp với các quy hoạch chung; rà soát quy hoạch nông thôn mới, đồng bộ các quy hoạch 3 loại rừng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kịp thời đáp ứng yêu cầu đầu tư, phát triển trong năm 2023 và cả giai đoạn 2021-2025.

Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai, tài nguyên; thúc đẩy phát triển đô thị tăng trưởng xanh, đô thị bền vững, kinh tế đô thị, lấy đô thị làm động lực phát triển. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, thanh tra, cương quyết thu hồi theo quy định của pháp luật đối với các dự án có sử dụng đất chậm tiến độ, vi phạm pháp luật. Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư gắn với tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân để triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy nhanh tiến độ triển khai, hoàn thành các dự án khắc phục thiên tai, bão lụt, sạt lở đất. Nâng cao hiệu quả hệ thống thu gom xử lý rác thải và nước thải tại các thành phố, khu đô thị tập trung; các khu đô thị mới phải bảo đảm các quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải.

 **6. Thực hiện quản lý tốt tài nguyên, khoáng sản, môi trường**

 Giải quyết tốt vấn đề môi trường ở các khu, cụm công nghiệp; tổ chức đấu nối quan trắc tự động đối với một số nhà máy sản xuất có xả thải ra môi trường. Chú trọng xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế; giải quyết vấn đề nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Cải tạo và xử lý ô nhiễm môi trường trên các dòng sông, hồ; ứng phó và khắc phục hiệu quả các sự cố môi trường. Hoàn thành các khu xử lý, lò đốt rác thải: Khu xử lý rác thải Tam Xuân 2, Nhà máy xử lý rác thải Bắc Quảng Nam, Lò đốt rác thải sinh hoạt Hội An,… để đảm bảo việc xử lý rác thải theo quy định.

 Tiếp tục thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất, thẩm định giá đất, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư. Quản lý chặt chẽ, thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững. Tập trung giải quyết các vướng mắc về giải phóng mặt bằng đối với dự án trọng điểm. Rà soát, kiên quyết thu hồi đất đối với các trường hợp giao đất, cho thuê đất đã quá thời hạn quy định nhưng chưa xây dựng hoặc xây dựng kéo dài chưa đưa vào sử dụng.

 Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đặc biệt là đối với các cơ sở đã đến hạn xử lý; tăng cường công tác quản lý, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, môi trường chiến lược. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản; kiểm tra các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động khoáng sản nhằm chấn chỉnh tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, vi phạm các quy định của pháp luật về khoáng sản. Nâng cao hiệu quả công tác quản nhà nước về tài nguyên khoáng sản, bảo đảm nguồn khoáng sản được sử dụng hợp lý, tiết kiệm. Tăng cường chế biến sâu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

 Thực hiện có hiệu quả kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu. Tiếp tục thực hiện chương trình trọng điểm trong chiến lược bảo vệ môi trường, đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, giảm nghèo, cải thiện chất lượng cuộc sống. Bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Ðẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường biển, vùng ven biển, đảo; bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là rừng nguyên sinh, rừng đặc dụng; bảo vệ và phát huy khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm. Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ các giống loài động thực vật quý hiếm.

**7.** **Đẩy mạnh CCHC và chuyển đổi số, tăng cường phân cấp, ủy quyền đi đôi với giám sát, hướng dẫn kịp thời. Xây dựng nền hành chính hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp**

 Đẩy mạnh CCHC và chuyển đổi số, tăng cường phân cấp, ủy quyền đi đôi với giám sát, hướng dẫn kịp thời. Sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh (LRIS) và Hệ thống IOC (Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh Quảng Nam), Cổng dịch công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh và kịp thời đưa vào sử dụng hiệu quả Hệ thống quản lý vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh, Hệ thống tiếp công dân trực tuyến,… Có giải pháp hiệu quả để cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số quản trị và hành chính (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông (ICT INDEX), chỉ số về chuyển đổi số (DTI).

 Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ gắn với cơ chế kiểm soát chặt chẽ, công khai, minh bạch, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu doanh nghiệp, người dân và đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Tiếp tục thực hiện đồng bộ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực và xử lý nghiêm các vi phạm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tư pháp, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm. Nâng cao hiệu lực hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của bộ máy hành chính nhà nước từ tỉnh đến cơ sở.

 **8.** **Đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; giữ vững chủ quyền biên giới đất liền, biển đảo quốc gia; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; đấu tranh phòng, chống tội phạm; tăng cường công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế**

 Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; triển khai có hiệu quả các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông, tai nạn lao động, phòng chống cháy, nổ. Chủ động triển khai có hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước; tăng cường đối ngoại nhân dân; triển khai có hiệu quả các biên bản, thỏa thuận hợp tác đã ký kết; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển ổn định lâu dài. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Tổ chức các đoàn của lãnh đạo tỉnh đi thăm, làm việc và xúc tiến các nội dung hợp tác với các địa phương của Nhật Bản (Nagasaki), Hàn Quốc (Osan, Gwangyang), Thái Lan (Ubon Ratchathani). Tổ chức các hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản.

 Trên đây là Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, kính báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Quảng Nam theo dõi, chỉ đạo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:**- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);- TVTU, TTHĐND, UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- CT, các PCT UBND tỉnh;- Các Đại biểu HĐND tỉnh; - Các Sở, Ban, Ngành thuộc UBND tỉnh;- UBND các huyện, TX, TP;- CPVP, Các Phòng, Ban, TT thuộc VP;- Lưu VT, TH. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** **Lê Trí Thanh** |

1. Từ đêm ngày 27 đến sáng ngày 28/9/2022 các địa phương trên địa bàn tỉnh chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão số 4, gây gió mạnh, mưa rất to đã gây thiệt hại và ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 03/12/2021 của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2022, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về bổ sung nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng cuối năm 2022 [↑](#footnote-ref-2)
3. Triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Bộ chính trị tại Kết luận số 24-KL/TW ngày 30/12/2021; của Quốc hội tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022; của Chính phủ tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022; của Tỉnh ủy tại Chương trình số 14-CTr/TU ngày 22/4/2022 tại Kế hoạch số 2737/KH-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tổng Cục thống kê công bố chính thức ngày 30/11/2022. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tăng trưởng GRDP năm 2022: đứng 04/14 tỉnh, thành phố Vùng BTB và DHNT (sau Thanh Hóa, TP Đà Nẵng, Khánh Hòa); đứng 2/5 tỉnh, thành phố Vùng KTTĐMT (sau Đà Nẵng). [↑](#footnote-ref-5)
6. Quy mô nền kinh tế (giá hiện hành) năm 2022 tăng 1,18 lần (+17,5 nghìn tỷ) so với năm 2019 (thời điểm trước dịch Covid-19); đứng vị thứ: 19/63 tỉnh, thành phố; 05/14 tỉnh, thành phố Vùng BTB và DHNT (sau Thanh Hóa, Nghệ An, TP Đà Nẵng, Quảng Ngãi); đứng 3/5 tỉnh, thành phố Vùng KTTĐMT (sau TP Đà Nẵng, Quảng Ngãi). [↑](#footnote-ref-6)
7. GRDP bình quân đầu người năm 2022 tăng 1,16 lần (+10,6 triệu đồng) so với năm 2019 (thời điểm trước dịch Covid-19). [↑](#footnote-ref-7)
8. Trong đó sản lượng bắp đạt 54,6 nghìn tấn, giảm 1,8 nghìn tấn. Sản lượng một số cây hoa màu cụ thể: Khoai lang đạt 17,5 nghìn tấn, tăng 1,2 nghìn tấn; sắn đạt 156,5 nghìn tấn, giảm 4,3 nghìn tấn;... [↑](#footnote-ref-8)
9. Năm 2022, thu NSNN trên địa bàn tăng 1,4 lần (+9 nghìn tỷ) so với 2019 (thời điểm trước dịch Covid-19); đạt vị thứ 2/5 tỉnh, thành Vùng KTTĐ miền Trung, xếp sau Quảng Ngãi (33,4 nghìn tỷ). [↑](#footnote-ref-9)
10. Thu từ các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Trường Hải ước cả năm 15.750 tỷ đồng, đạt 158,6% dự toán, tăng 63,2% so với cùng kỳ. Thu từ Công ty TNHH nhà máy bia Heineken Quảng Nam ước cả năm 530 tỷ đồng, đạt 59,6% dự toán, bằng 70,3% so với cùng kỳ. Thu từ thủy điện ước thu cả năm là 1.220 tỷ đồng, đạt 171,1% dự toán, tăng 29,9% so với cùng kỳ. Thu từ Công ty TNHH Nam Hội An ước thu 200 tỷ đồng, đạt 200% dự toán. [↑](#footnote-ref-10)
11. Cho vay hỗ trợ việc làm duy trì và mở rộng việc làm là 110 tỷ đồng, 2.200 khách hàng. Cho vay Nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/NĐ-CP của Chính phủ là 119,8 tỷ đồng, 358 khách hàng. Cho vay học sinh sinh viên mua máy vi tính, thiết bị phục vụ học trực tuyến là 6,995 tỷ đồng, 718 khách hàng. Cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập là 3,0 tỷ đồng, 35 cơ sở. Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP là 22,8 tỷ đồng, 442 khách hàng. [↑](#footnote-ref-11)
12. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2022 ước đạt trên 36 nghìn tỷ, tăng 1,1 lần (+03 nghìn tỷ) so với năm 2019 (thời điểm trước dịch Covid-19). [↑](#footnote-ref-12)
13. Kế hoạch số 2737/KH-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh. [↑](#footnote-ref-13)
14. Căn cứ Công văn số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023, trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với dự kiến tổng kế hoạch vốn năm 2023 nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 621 tỷ đồng. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh tại Báo cáo số 674/BCSKHĐT ngày 14/10/2022 về Báo cáo dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023, trong đó Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 621 tỷ đồng (tương đương tổng kế hoạch vốn NSTW của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội). Theo Công văn số 6555/BYT-KHTC ngày 15/11/2022, Bộ Y tế đã thông báo tỉnh Quảng Nam được bổ sung kế hoạch vốn là 29 tỷ đồng từ số vốn còn lại của lĩnh vực y tế thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, ngày 18/11/2022, UBND tỉnh Quảng Nam đã có Công văn số 7610/UBND-KTTH về đăng ký danh mục đầu tư từ số vốn còn lại của lĩnh vực y tế thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam với tổng mức đầu tư sau khi bổ sung là 121 tỷ đồng (trong đó đề xuất bổ sung 29 tỷ đồng để đầu tư nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị bổ sung cho Trung tâm Y tế huyện Nam Giang và Tiên Phước ). [↑](#footnote-ref-14)
15. Tính đến hết ngày 30/11/2022, tổng vốn đầu tư công năm 2022 giải ngân 4.486,4 triệu đồng, đạt 54,5%, trong đó kế hoạch vốn năm 2021 giải ngân 43,9%, kế hoạch vốn năm 2022 giải ngân 55,1%. [↑](#footnote-ref-15)
16. Dự án đã thu hồi, chấm dứt hoạt động hoặc chuyển giao cho địa phương làm chủ đầu tư: 12 dự án; bao gồm: 07 dự án thu hồi, 05 dự án chuyển giao cho UBND thị xã Điện Bàn tiếp tục đầu tư (04 dự án Khu dân cư thu nhập thấp 2, 3, 4, 5; Khu tái định cư ven biển Điện Dương). [↑](#footnote-ref-16)
17. Thông báo số 172/TB-UBND ngày 12/5/2022 và Thông báo số 224/TB-UBND ngày 16/6/2022 của UBND tỉnh. [↑](#footnote-ref-17)
18. Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh. [↑](#footnote-ref-18)
19. Số doanh nghiệp giải thể tự nguyện là 181 doanh nghiệp tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 là 168 doanh nghiệp); số doanh nghiệp thông báo tạm ngừng hoạt động là 846 doanh nghiệp tăng 24% so với năm 2021 (682 doanh nghiệp); số doanh nghiệp thông báo chờ giải thể là 266 tương đương số lượng năm 2021 (năm 2021 là 265 doanh nghiệp). [↑](#footnote-ref-19)
20. Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; định hướng thực hiện một số dự án quan trọng tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 37/2021/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 – 2025. [↑](#footnote-ref-20)
21. Chương trình sắp xếp dân cư miền núi triển khai thực hiện tốt, với 7.737 hộ được sắp xếp. [↑](#footnote-ref-21)
22. Theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh. [↑](#footnote-ref-22)
23. Kế hoạch số 2134/KH-UBND ngày 08/4/2022. [↑](#footnote-ref-23)
24. Huyện Phú Ninh, thị xã Điện Bàn, thành phố Tam Kỳ và huyện Duy Xuyên. [↑](#footnote-ref-24)
25. Huyện Phú Ninh đạt chuẩn NTM năm 2015 và duy trì đạt chuẩn theo Quyết định số 558/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong năm 2020 và 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành NTM và huyện Duy Xuyên được công nhận đạt chuẩn huyện NTM năm 2022. [↑](#footnote-ref-25)
26. Giảm 3.318 hộ/3.000 chỉ tiêu giao. Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, cuối năm 2021 toàn tỉnh có 33.127 hộ nghèo (trong đó có 9.381 hộ nghèo không có khả năng lao động, số hộ nghèo còn lại có thể tác động để giảm nghèo là 23.746 hộ). Năm 2022, chỉ tiêu giảm 3.000 hộ nghèo. [↑](#footnote-ref-26)
27. Phước Sơn, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Phú Ninh, BắcTrà My, Nam Trà My, Núi Thành và thành phố Tam Kỳ tại các Nghị quyết số31, 33, 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh. [↑](#footnote-ref-27)
28. Dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại Dương Xanh, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn; Dự án Khu đô thị ven sông Dương Hội, tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn; Dự án Khu đô thị An Bình Riverside, tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn; Đối với phần diện tích đất được giao tại Quyết định số 3249/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị thương mại dịch vụ Bắc Hội An tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn; Dự án Khu đô thị Thanh Hà (phân khu 1), phường Thanh Hà, thành phố Hội An; Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư dọc tuyến đường Điện Biên Phủ nối dài, phường Thanh Hà, thành phố Hội An; Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu phố chợ Đông Phú tại thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn; Dự án khai thác đá vôi làm vật liệu sản xuất xi măng tại thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thaigroup; Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư trung tâm thị trấn Tân An, huyện Hiệp Đức; Dự án Khu dân cư số 1 Điện An mở rộng; Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị ven sông Dương Hội tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn; Dự án Khu dân cư số 7 Vĩnh Điện; Dự án Khu dân cư Điện Minh; Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư Thống Nhất. [↑](#footnote-ref-28)
29. 11 lô đất Khu dân cư phía tây đường An Hà - Quảng phú, phường An Phú, thành phố Tam Kỳ và dự án Khu Thương mại - Dịch vụ và dân cư Đông Cầu Chìm tại thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên; Khu dân cư Nam Điện An tại phường Điện An và phường Vĩnh Điện; Dự án Khu Thương mại - Dịch vụ và Dân cư Đông Cầu Chìm, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên. [↑](#footnote-ref-29)
30. Tại xã Axan, huyệnTây Giang (cát), dự án bảo vệ Kè NướcLà - Nam Trà My (cát), trạm bơm Cù Bàn - Duy Xuyên (cát), Tam Nghĩa- Núi Thành (đá ốplát), PhướcHòa, Phước Lộc- Phước Sơn (vàng). [↑](#footnote-ref-30)
31. Giải Cầu lông vô địch đồng đội nam nữ hỗn hợp quốc gia; giải Vô địch trẻ Vovinam toàn quốc năm 2022; giải vô địch các Câu lạc bộTaekwondo quốc gia Cúp Đại sứ Hàn Quốc năm 2022; giải Karate vô địch trẻ quốc gia năm 2022 tại Quảng Nam; giải Bóng bàn các xây vợt xuất sắc Trẻ, Thiếu niên, Nhi đồng toàn quốc năm 2022 tại tỉnh Quảng Nam; giải Cầu Lông Trung cao tuổi toàn quốc năm2022 tại Quảng Nam; giải Bóng bàn truyền thống tranh Cúp VTV8 năm2022 tại tỉnh Quảng Nam. [↑](#footnote-ref-31)
32. Đạt tổng thể 260 huy chương các loại; trong đó có 2 giải thể thao quốc tế, đạt 7 huy chương các loại; 30 giải thể thao cấp quốc gia, đạt 139 huy chương; 5 giải thể thao quần chúng cấp quốc gia, đạt 77 huy chương; 1 giải thể thao khu vực Miền trung Tây nguyên đạt 37 huy chương. [↑](#footnote-ref-32)
33. Theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND về Đề án cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2026; Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND về Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2026. [↑](#footnote-ref-33)
34. Đến nay, toàn tỉnh đã triển khai và hoàn thành được 10.982 nhà. Trong đó: xây mới: 3.257 nhà, sửa chữa: 7.725 nhà. Kinh phí 280 tỷ đồng; đạt 71,24% % so với số lượng dự kiến hỗ trợ tại Nghị quyết của HĐND tỉnh (15.416 nhà) [↑](#footnote-ref-34)
35. Quảng Nam: 34 giải, Quảng Ngãi: 23; Bình Định: 34; Phú Yên: 21; Khánh Hòa: 15; Đăk Lắc: 36; Đăk Nông: 18; Lâm Đồng: 26; Gia Lai: 28; Kon Tum: 08 giải. [↑](#footnote-ref-35)
36. Mầm non 167 trường, tỉ lệ 58%; tiểu học 185 trường, tỉ lệ 77,4%; THCS 158 trường, tỉ lệ 72,5%; THPT 24 trường tỉ lệ 39,3%. [↑](#footnote-ref-36)
37. Kết quả tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên: Số người đã tiêm đủ liều cơ bản: 1.061.278 người, đạt 97,7%; Mũi 3 (nhắc lại lần 1): 675.545 người đạt 62,2%, đứng thứ 59/63 toàn quốc; Mũi 4 (nhắc lại lần 2): 229.877 người đạt 86,6%, đứng thứ 44/63 toàn quốc. Kết quả tiêm cho trẻ em từ 12-17 tuổi: Số trẻ được tiêm đủ liều cơ bản: 133.036 đạt 99,8%; Số trẻ được tiêm mũi 3: 80.738 đạt 60,5%, đứng thứ 43/63 so với toàn quốc. Kết quả tiêm cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: Số trẻ được tiêm mũi 1: 138.341 đạt 85,8%, đứng thứ 50/63 toàn quốc; Số trẻ được tiêm mũi 2: 55.348 đạt 34,3%, đứng thứ 62/63 toàn quốc. [↑](#footnote-ref-37)
38. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận 73.496 hồ sơ; tổng số hồ sơ đã giải quyết 70.237 hồ sơ, trong đó số hồ sơ đã giải quyết trước và đúng hạn 70.140 hồ sơ, hồ sơ trễ hạn 97 hồ sơ); tổng số hồ sơ đang giải quyết 3.246 hồ sơ, trong đó số hồ sơ trong hạn 3.226 hồ sơ, hồ sơ trễ hạn 20 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,8%. Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến 37.168 hồ sơ, chiếm 50,57% tổng số hồ sơ đã tiếp nhận. [↑](#footnote-ref-38)
39. Ban Tiếpcông dân tỉnh tiếp423 lượt/721 người; cấp sở tiếp2.935 lượt/3.076 người(trong đó,Thanh tra tỉnh tiếp lượt/5 người); cấp huyện tiếp4.143 lượt/4.393 người; cấpxã tiếp4.991 lượt/5.032 người [↑](#footnote-ref-39)
40. Cấp tỉnh: 14 đoàn; cấp sở: 09 đoàn; cấp huyện: 21 đoàn; cấp xã: 16 đoàn. [↑](#footnote-ref-40)
41. Ban Tiếp công dân tỉnh tiếp nhận 1.036 đơn, cấp sở tiếp nhận 930 đơn (trong đó, Thanh tra tỉnh tiếp nhận196 đơn); cấp huyện tiếp nhận 4.129 đơn; cấp xã tiếp nhận 3.429 đơn. [↑](#footnote-ref-41)
42. Đoàn đại biểu cấp cao của tỉnh Quảng Nam sang thăm,làm việc và tham dự Hội nghị cấp cao Quảng Nam – Sê Koong 2022, thăm, làm việc thúc đẩy hợp tác với hai tỉnh Chămpasak, Attapư, Lào và tham dự Hội nghị thúc đẩy hợp tác về thương mại, du lịch, nông nghiệp giữa các địa phương ViệtNam với 04 tỉnh Nam Lào; Đoàn công tác và doanh nghiệp tỉnh tham dự Hội chợ thương mại Lào - ViệtNam tại tỉnh Sê Koong, Lào; Đoàn lãnh đạo UBMMTQVN tỉnh đi công tác tại Lào; Đoàn công tác của đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ cùng đoàn lãnh đạo tỉnh Quảng Nam sang tham dự Lễ mitting trọng thể kỷ niệm 45 năm ngày ký Hiệp ước Hợp tác và Hữu nghị và 60 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước Lào - Việt Nam được tổ chức tại huyện Lạ Màm, tỉnh Sê Koong, Lào). [↑](#footnote-ref-42)
43. Kế hoạch trung hạn 14.290 tỷ đồng, trong đó đưa vào cân đối cho đầu tư 10.175 tỷ đồng. Trong khi năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 mới chỉ thu đạt 3.163 tỷ đồng, trong đó chi cân đối cho đầu tư năm 2021 và 2022 là 1.714 tỷ đồng, đạt 17% của dự toán kế hoạch trung hạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-43)
44. Kết luận số 29-KL/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện ba nhiệm vụ đột phá chiến lược giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy về định hướng phát triển vùng Đông Nam của tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển đô thị loại I trực thuộc tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 03/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Chương trình thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Chương trình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. [↑](#footnote-ref-44)
45. Tổng vốn bố trí giai đoạn 2022-2023 là 621 tỷ đồng bố trí thực hiện năm 2023 cho 05 danh mục dự án: y tế (296 tỷ đồng) và 03 dự án thuỷ lợi (325 tỷ đồng). Đến nay, đã hoàn thành phê duyệt chủ trương đầu tư 05 dự án; trong đó có 01 dự án đã phê duyệt dự án đầu tư. [↑](#footnote-ref-45)
46. Viễn thông, tài chính - ngân hàng, giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ văn hóa - thể thao, khoa học - công nghệ, logistics [↑](#footnote-ref-46)
47. Trường THPT Quế Sơn, Trường THPT Núi Thành, Trường THPT Lương Thúc Kỳ, Trường THPT Trần Phú; hạng mục: Kè chắn đất kết hợp tường bảo vệ, Trường THPT Nông Sơn, huyện Nông Sơn, Trường THPT Nguyễn Khuyến, thị xã Điện Bàn, Trường THPT Lê Hồng Phong, huyện Duy Xuyên, Trường THPT Nguyễn Thái Bình, huyện Thăng Bình, Trường PTDTNT tỉnh, thành phố Hội An, Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi, huyện Nam Giang, Trường THPT Quang Trung, huyện Đông Giang, Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Nguyễn Văn Cừ, huyện Quế Sơn, Trường THPT Hiệp Đức, huyện Hiệp Đức, Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ, huyện Đại Lộc, Trường THPT Tố Hữu, huyện Nam Giang, Trường PTDTNT Phước Sơn, huyện Phước Sơn, Trường THPT Tiểu La, huyện Thăng Bình, Trường THPT Bắc Trà My, huyện Bắc Trà My, Trường THPT Võ Nguyên Giáp, huyện Phú Ninh [↑](#footnote-ref-47)
48. Năm 2021, Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI): 19/63; Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR INDEX): 33/63; Chỉ số về hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI): 35/63. [↑](#footnote-ref-48)